

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn;

Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;
Ông Nguyễn Bá Điền;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đào Thúy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Lệ H - Sinh ngày 19/01/1982; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tỉnh B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã L, huyện S, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn K - Sinh năm 1946, hiện ở phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và con bà: Hà Thị O (đã chết); Chồng: Nguyễn Đức S - Sinh năm 1977; Con: Có 4 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2017; Chồng, con hiện cư trú tại xã L, huyện S, tỉnh Phú Thọ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại ở xã L, huyện S, tỉnh P. Có mặt

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1977. Có mặt
Địa chỉ: Khu Đ, xã L, huyện S, tỉnh P.

** Người làm chứng:*

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Khu T, thị trấn P, huyện N, tỉnh P
2. Ông Nguyễn Văn F, sinh năm 1989. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Lê H là một cổ đông và là kế toán của Công ty Cổ phần nông lâm sản Thịnh S (gọi tắt là Công ty Thịnh S) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu năm 2008, trong đó có đăng ký kinh doanh khai thác, chế biến nông, lâm sản. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc là anh Nguyễn Đức S là chồng của Hiền. Trụ sở của Công ty Thịnh S ở xóm 2A, Đồng Lão, xã L, S, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, từ năm 2017, toàn bộ hoạt động của Công ty đều do Hiền quản lý, điều hành hoạt động sản xuất.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2019, Công ty Thịnh S sẵn máy móc, nhà xưởng sản xuất dăm mảnh gỗ nên Trần Lê H đã thu mua cành cây, gỗ cây keo nguyên liệu của các hộ dân trên địa bàn huyện S, sau đó sản xuất thành dăm mảnh gỗ tại xưởng công ty để xuất bán cho anh Trần Minh T thường trú tại thị trấn C, huyện N tỉnh P và anh Nguyễn Văn T thường trú tại xã Đội Cấn, thành phố T, tỉnh T. Anh T và anh F đã liên hệ với Hiền đề mua dăm mảnh gỗ, giá thu mua từ 900.000 đồng đến 1.200.000 đồng/1 tấn tùy vào từng thời điểm; địa điểm giao nhận hàng tại kho của Tổng Công ty giấy Việt Nam có địa chỉ tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không ký hợp đồng mua bán. Để vận chuyển số dăm mảnh gỗ bán cho anh Nguyễn Văn F và anh Trần Minh T, Hiền đã sử dụng xe ô tô tải BKS 19C - 13.023 và thuê anh Trần Anh G thường trú ở xã L, huyện S và anh Hà Ngọc B thường trú ở xã V, huyện S là lái xe để vận chuyển dăm mảnh gỗ từ Công ty Thịnh S đến địa điểm giao hàng tại Tổng Công ty giấy Việt Nam. Lái xe sẽ liên hệ với bên mua để làm các thủ tục cân hàng. Sau khi xuống hàng, lái xe sẽ mang phiếu cân vật tư về chuyển lại cho Hiền. Phương thức thanh toán tiền thì Trần Lê H yêu cầu anh F và anh T chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của mình số 101000437146 mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đền Hùng.

Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2019, Công ty Thịnh S đã xuất bán cho anh Nguyễn Văn F tổng khối lượng là 5.358,822 tấn dăm mảnh gỗ, với tổng số tiền là 4.822.939.800 đồng, trong đó năm 2018 bán khối lượng 1.296,433 tấn, số tiền là 1.166.789.700 đồng; năm 2019 bán khối lượng là

4.062,389 tấn, với số tiền là 3.656.150.100 đồng; Bán cho anh Trần Minh T năm 2019 tổng khối lượng là 1.647,639 tấn, với tổng số tiền 1.520.890.000 đồng.

Như vậy, tổng khối lượng dăm mảnh gỗ Công ty Thịnh S đã bán cho anh F và anh T là 7.006,461 tấn. Toàn bộ chi phí để sản xuất ra 7.006,461 tấn dăm mảnh gỗ như chi phí nhân công, nguyên vật liệu, tiền điện, dầu, xăng xe... đều được Trần Lệ H hạch toán vào các chi phí hợp lý của Công ty Thịnh S. Anh F và anh T đã chuyển khoản qua tài khoản cá nhân cho Trần Lệ H 58 lần thể hiện ở 58 giấy báo có của Ngân hàng, với tổng số tiền là 6.343.828.000 đồng. Số tiền này Hiền rút tiền mặt để thanh toán tiền mua nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất, số còn lại thì giữ lại để phục vụ sinh hoạt gia đình và chi tiêu cá nhân. Công ty Thịnh S cũng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không hạch toán doanh thu trên sổ sách kế toán của công ty, không kê khai báo cáo thuế với đơn vị quản lý thuế trực tiếp là Chi cục Thuế huyện S.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định về số tiền trốn thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp của Công ty Thịnh S.

Ngày 13/11/2019, Cục thuế tỉnh Phú Thọ ra bản kết luận giám định xác định số tiền thuế giá trị gia tăng mà Công ty cổ phần Thịnh S đã trốn là 576.711.800 đồng. Ngày 20/02/2020, Cục thuế tỉnh Phú Thọ ra bản kết luận giám định xác định Công ty Thịnh S không trốn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã xác định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Thịnh S từ năm 2017 đều do Trần Lệ H trực tiếp chỉ đạo điều hành. Việc Công ty Thịnh S bán 7.006,461 tấn dăm mảnh gỗ cho anh Trần Minh T và anh Nguyễn Văn F, thu được số tiền là 6.343.828.000 đồng nhưng không xuất hoá đơn giá trị gia tăng, không kê khai thuế là do Hiền trực tiếp thực hiện, không bàn bạc với ai, không có sự đồng thuận của các cổ đông. Tiền thu được từ bán dăm mảnh gỗ do Hiền trực tiếp quản lý không hạch toán trong hệ thống tài chính của công ty nên không vì lợi ích pháp nhân là Công ty Thịnh S. Do vậy không đủ căn cứ để khởi tố pháp nhân thương mại đối với Công ty cổ phần nông lâm sản Thịnh S về hành vi trốn thuế.

Đối với anh Nguyễn Đức S là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thịnh S và là chồng bị cáo Trần Lệ H. Từ năm 2017 đến nay anh S không tham gia điều hành hoạt động, không theo dõi tình hình sản xuất, kinh doanh thường xuyên không có mặt tại nhà cũng như công ty do kinh doanh ngành nghề khác. Hiền cũng là người trực tiếp quản lý chữ ký số để thực hiện kê khai, báo cáo thuế bằng phần mềm máy tính. Hiền không trao đổi, bàn bạc, thống nhất gì về

việc hoạt động của Công ty Thịnh S. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Đức S.

Đối với anh Trần Minh T, là người Công ty trách nhiệm Lâm Sản Đại Ngàn có trụ sở tại phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và Công ty Cổ phần Thuận Đạt có trụ sở tại xã Tây Cốc, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ và thuê thu mua dăm mảnh gỗ để bán cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Sau khi mua được dăm mảnh gỗ của Công ty Thịnh S, anh T nhập dăm mảnh gỗ vào Tổng công ty Giấy Việt Nam theo hợp đồng mua bán giữa Công ty Thuận Đạt và Công ty Đại Ngàn với Tổng công ty Giấy Việt Nam. Hai công ty này đã thanh toán tiền dăm mảnh gỗ theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của anh T, sau đó anh T chuyển khoản trả tiền cho Trần Lê H như đã nêu trên. Việc trốn thuế của Hiền, anh T không biết. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Trần Minh T.

Đối với Nguyễn Văn F, là nhân viên của Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm có trụ sở tại: phường Lam S, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. F được giao nhiệm vụ thu mua dăm mảnh gỗ, theo dõi việc nhập hàng vào kho của Tổng công ty giấy Việt Nam. Mức lương được trả hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Sau khi nhập hàng, Công ty Quế Lâm chuyển khoản tiền đến tài khoản cá nhân của anh F. Anh F tiếp tục chuyển khoản trả tiền cho Trần Lê H như đã nêu trên. Việc mua bán không có hợp đồng, anh F trả tiền theo yêu cầu của Hiền. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn F.

Cơ quan điều tra xác định Công ty Thuận Đạt, Công ty Đại Ngàn và Công ty Quế Lâm là các đơn vị gián tiếp thu mua dăm mảnh gỗ của Công ty Thịnh S nhưng không yêu cầu đơn vị bán hàng xuất hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty trả tiền qua hình thức chuyển khoản cho anh T và anh F. Việc T, F mua của ai, thanh toán thế nào thì ba Công ty không biết. Quá trình xác minh xác định Tổng công ty Giấy đều xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo các hợp đồng mua bán, bảng kê hàng hóa...cho Công ty Thuận Đạt, Đại Ngàn và Quế Lâm. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với các Công ty Thuận Đạt, Đại Ngàn và Quế Lâm.

Tại Cơ quan điều tra Trần Lê H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, Hiền nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-P2 ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố Trần Lệ H về tội “Trốn thuế” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ thực hiện quyền công tố đã luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Lệ H đã phạm vào tội “Trốn thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Lệ H từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Lệ H phải nộp số tiền chôn thuế là 576.711.800 đồng. Xác nhận bị cáo Hiền đã nộp 200.000.000 đồng, bị cáo Hiền còn phải nộp 376.711.800 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Lệ H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2019 Trần Lệ H đã thực hiện thu mua gỗ nguyên liệu của các hộ dân trồng rừng trên địa bàn huyện S, tỉnh Phú Thọ không có hóa đơn, không lập bảng kê rời sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng sản xuất của Công ty Thịnh S thuộc khu Đồng Lão xã L, huyện S, tỉnh Phú Thọ. Sau đó, Hiền xuất bán dăm mảnh cho anh Trần Minh T và anh Nguyễn Văn F tổng khối lượng là 7.006,461 tấn, với tổng số tiền là 6.343.828.000 đồng. Khi bán hàng Hiền đã không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Khi thanh toán, Hiền sử dụng tài khoản cá nhân để nhận tiền từ anh F và anh T. Toàn bộ chi phí sản xuất dăm mảnh gỗ Hiền hạch toán sổ sách và kê khai thuế, nhưng doanh thu có được từ việc bán dăm mảnh gỗ Hiền không ghi chép trong sổ kế toán, không hạch toán các khoản thu có liên quan đến việc xác

định số thuế đã phải nộp, không kê khai nộp thuế số tiền 576.711.800 đồng. Hành vi của Trần Lê H đã đủ mức xử lý hình sự về tội trốn thuế.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến ngân sách Nhà nước. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra bị cáo đã nộp một khoản tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả, bị cáo có mẹ đẻ là bà Hà Thị Oanh được chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định nên cho bị cáo hưởng mức hình phạt cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Lê H phải nộp số tiền chôn thuế là 576.711.800 đồng. Xác nhận bị cáo Hiền đã nộp 200.000.000 đồng, bị cáo Hiền còn phải nộp 376.711.800 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quy định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê H phạm tội: “Trốn thuế”.

2/ Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ: Điểm b Khoản 2 Điều 200; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Lệ H 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo Trần Lệ H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp vi phạm 02 lần trở lên.

Thay đổi nơi cư trú

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Lệ H phải nộp số tiền chôn thuế là 576.711.800 đồng. Xác nhận bị cáo Hiền đã nộp 200.000.000 đồng, bị cáo Hiền còn phải nộp 376.711.800 đồng.

4/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Lệ H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- CA, VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Người TGTT;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn